

Bản án số 116/2025/HC-PT

Ngày 10/02/2025

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Trần Đức Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Xuân Lộc

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 380/2024/TLPT-HC ngày 30/10/2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 178/2024/HC-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 339/2025/QĐ-PT ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1971; địa chỉ: **thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt. Đại diện theo ủy quyền của bà **T** là ông **Phạm Công H**, sinh năm 1986; địa chỉ: **A đường L, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

2/ Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk là ông **Lê Đình C**, Phó chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk: ông **Nguyễn Thụ K** - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, vắng mặt; bà **Nguyễn Thị L** - Phó trưởng phòng Tư pháp huyện Ea Kar; vắng mặt

3/ Chủ tịch UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo ủy quyền là ông **Đặng Quốc T1** - Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà **Trịnh Thị T** và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 1996, gia đình bà **T** có khai hoang khoảng 1,2 ha đất tại **Buôn E, xã E, huyện E**,

tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Gia đình bà T đã phát dọn, thuê máy san ủi ụ mỗi, mức nương thoát nước, trồng nhiều lại cây khác nhau. Năm 2017, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E và UBND xã C đã tiến hành các thủ tục để thu hồi đất của gia đình bà T. Ngày 31/8/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thông báo Bảng tổng hợp công khai về số tiền sẽ bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T. Sau đó, bà T không thấy UBND huyện E bồi thường, hỗ trợ. Bà T đã nhiều lần gửi đơn đề nghị bồi thường đến các cơ quan ban ngành. Ngày 24/8/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E ban hành Công văn số 152/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của bà T. Theo Công văn trả lời thì thửa đất của gia đình bà T không đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ lý do Bảng xác nhận ngày 14/1/2020 ghi: “nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất UBND xã C xác nhận Khai hoang năm 1996 (thuộc phạm vi đất UBND tỉnh giao cho Lâm trường Ea Kar nay là Công ty TNHH MTV L1 quản lý), không sử dụng liên tục từ năm 2006 đến nay. Không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ”. Không đồng ý với xác nhận của UBND xã C nên bà T khiếu nại, ngày 21/8/2023, Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà T. Bà T tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện E. Ngày 16/11/2023, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 662/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà T.

Nay, bà T khởi kiện cho rằng thửa đất bà T khai hoang từ năm 1996, sử dụng liên tục đến khi nhà nước thu hồi, nhưng nhà nước không bồi thường, hỗ trợ là không đúng. Ngoài ra, UBND xã C xác định gia đình Trịnh Thị T không sử dụng từ năm 2006 đến nay là không đúng. Thôn trưởng buôn E thời kỳ 2010 đến năm 2015 và các hộ dân sử dụng đất gần thửa đất đều xác định gia đình bà T có sử dụng đất nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị T;

- Hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị T;

- Hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư hồ C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải thực hiện lại các thủ tục thu hồi, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho hộ bà T theo quy định.

* Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện (Ủy ban nhân dân huyện E và Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk) trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của T thì:

- Ngày 04/7/2003, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND, V/v thu hồi quyền sử dụng 2.672,3ha đất của Lâm trường Ea Kar giao UBND huyện E quản lý, thửa đất bà Trịnh Thị T khiếu nại thuộc phạm vi đất UBND tỉnh thu hồi của Lâm trường giao UBND huyện E quản lý năm 2003.

- Thông báo thu hồi đất của UBND huyện liên quan thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13, thuộc buôn E.

- Năm 2015 UBND huyện ban hành Thông báo số 169/TB-UBND, ngày 14/7/2015 v/v thu hồi đất của hộ gia đình ông **Lê Hùng C1**, địa chỉ thường trú: **Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**: Diện tích đất dự kiến thu hồi: 39.483.2m², tại thửa đất số 22 (một phần thửa đất số 22) thuộc tờ bản đồ số 13; Địa chỉ thửa đất: **Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Loại đất đang sử dụng: Đất nương rẫy trồng cây hàng năm (trong đó: đất của hộ bà **T** 11.850,7m²; đất của ông **Y Thiên K1** diện tích 22.955,4m²).

- Ngày 25/7/2017, **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện E** có báo cáo số 41/BQLDA về việc giải quyết đơn kiến nghị của 14 hộ dân (đất liền kề với thửa đất của bà **Trịnh Thị T**, ông **Trịnh Văn Y**, em ruột bà **T**).

- Ngày 18/8/2017, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với các cơ quan liên quan, **UBND xã C** tiến hành lập biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất của hộ bà **Trịnh Thị T**. Tại biên bản thể hiện diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm 11.850,7m², thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13, không có tài sản trên đất.

- Ngày 29/8/2017, **UBND xã C** xác nhận lại diện tích thu hồi đất của hộ bà **Trịnh Thị Thanh T2** 12, **xã E** là 11.850,7m², thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ năm 1997 đến nay do Chủ tịch UBND xã ông **Lê Văn H1** và nhân viên địa chính ông **Lê S** ký tên.

- Ngày 31/8/2017, **CNTTPTQĐ** đã công khai phương án theo xác nhận thời điểm sử dụng đất, nguồn gốc đất của **UBND xã C**, hộ bà **Trịnh Thị T** sử dụng đất từ năm 1997 đến khi thu hồi đất nên được hỗ trợ về đất, hỗ trợ chuyển đổi việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống.

- Ngày 22/9/2017, UBND huyện ban hành Thông báo số 317/TB-UBND hủy bỏ giá trị pháp lý thông báo số 169/TB-UBND, ngày 14/7/2015 của UBND huyện về việc thông báo thu hồi đất của hộ gia đình ông **Lê Hùng C1**. Lý do: Thông báo sai đối tượng sử dụng đất.

- Ngày 22/9/2017, **UBND huyện E** ban hành Thông báo số 322/TB-UBND, thông báo thu hồi đất của hộ bà **Trịnh Thị T**, diện tích thu hồi 11.850,7m².

- Ngày 9/11/2017, trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của **UBND xã C**, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất số 43 kèm theo Tờ trình số 87/TTr-CNTTPTQĐ, ngày 09/11/2017 của CN TTPTQĐ, hộ bà **Trịnh Thị T** được hỗ trợ 670.809.060 đồng. Trình cho Hội đồng thẩm định phê duyệt.

- Ngày 20/11/2017, Hội đồng thẩm định ban hành biên bản về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, đã tạm dừng việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ phương án số 43; Đề nghị UBND xã kiểm tra, xác minh lại việc xác nhận thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình ông **Trịnh Văn Y**, bà **Trịnh Thị T**, ông **Lý Văn S1** và ông **Phạm Văn H2** lý do có đơn phản ánh của 11 hộ dân có đất liền kề cho rằng các hộ này không trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Kết quả xác nhận lại của **UBND xã C** về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ bà **Trịnh Thị T** (trong phương án số 43 của 04 hộ):

- Ngày 8/8/2019, **UBND xã C** họp xét duyệt nguồn gốc đất, thành phần tham gia: BTQ và các hộ sống lâu năm xác nhận: Hộ bà **T** từ năm 1998 là không canh tác, BTQ và người dân **E** là không biết bà **T** là ai, năm 2004 thì diện tích đất trên

vẫn là đất sinh dầu, cho đến năm 2010, thấy ông **Y P** mang máy vào san ủi còn từ 2010 đến nay thì BTQ và người dân không rõ.

- Ngày 09/9/2019, Tổ chức làm việc với hộ bà **Trịnh Thị T** và ông **Trịnh Văn Y** (em ruột bà **T**, thừa đất liền kề với bà **T**). Trong biên bản thể hiện: bà **T** trình bày: vào mùa khô tháng 2 năm 1997 tôi tới từ **E** vào khai hoang có ông **Y Văn B thôn E** chứng kiến và biết tôi khai hoang tại vị trí trên. Diện tích 1,2 ha trên gia đình tôi sau khi khai hoang xong, năm 1997 đến năm 2005 gia đình tôi trồng 205 cây cà phê và trồng ngô, sau mấy tháng thì chết, gia đình tôi để trống không canh tác nữa đến năm 2015 có kiểm đếm thu hồi đất của UBND huyện cho đến nay (có chữ ký khóa đuôi của bà **T** và ông **Y** và ký ghi rõ họ tên trong biên bản làm việc trên).

- Biên bản làm việc ngày 07/11/2019, **UBND xã C** xác minh với ông **Nguyễn Hồng T3**, người sống lâu năm, trình bày: Khoảng năm 1996, 1997, ông **T3** có biết bà **Trịnh Thị T** và ông **Y** có khai hoang gần khu vực rẫy nhà ông **T3**, diện tích khoảng 01 ha. Sau khi khai hoang, bà **T**, ông **Y** có trồng cây keo, cây sắn do đất xấu bỏ, khoảng năm 1998 có trồng cà phê và hoa màu, sau đó cà phê bị chết. Khoảng năm 2005, 2006 bỏ hoang không trồng cây gì.

- Ngày 27/11/2019, **UBND xã C** thành lập Hội đồng họp xét duyệt nguồn gốc đất của 04 hộ, có mời bà **Trịnh Thị T** và ông **Trịnh Văn Y** tham dự. Kết quả xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ bà **T**: khai hoang năm 1995, trồng màu và cây cà phê nhưng do đất xấu không có hiệu quả sử dụng nên gia đình không canh tác từ năm 2006 (có chữ ký khóa đuôi của bà **T**, ông **Y** và chữ ký ghi rõ họ và tên trong biên bản làm việc).

- Ngày 27/11/2019, UBND xã đã có Báo cáo số 65/BC-UBND báo cáo về quá trình tổ chức thực hiện và kết quả xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đối với 04 hộ dân. Kết quả xác định nguồn gốc đất của bà **Trịnh Thị T**: đất có nguồn gốc khai phá năm 1996 (thuộc phạm vi đất UBND tỉnh giao cho Lâm trường Ea Kar nay là Công ty **TNHH L1** quản lý), hộ bà **T** đã không sử dụng đất liên tục từ năm 2006 đến năm 2015 (bỏ hoang) tháng 7 năm 2015 UBND huyện đã thông báo thu hồi đất; Ngày 14/01/2020, **UBND xã C** xác nhận diện tích thu hồi đất của hộ bà **Trịnh Thị Thanh T2** 12, **xã E** là 11.850,7m², thời điểm sử dụng đất: từ năm 2006 đến nay không có sử dụng, canh tác trên đất. Trên cơ sở đó, ngày 08/01/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất **huyện E** lập phương án hỗ trợ về đất của bà **T** là không đủ điều kiện hỗ trợ, số tiền bồi thường, hỗ trợ là 0 đồng.

- Tại Biên bản làm việc ngày 12/6/2023 với Thanh tra huyện, bà **T** trình bày: Năm 2015, tôi không nhận được thông báo thu hồi đất, đến tháng 11/2015, cháu bà con thông gia tôi là ông **Nguyễn Văn X**, cư trú **thôn A, xã E** đến mượn đất làm màu và trồng cao su. về cây cao su, ông **X** mua giống và trồng như thế nào tôi không biết, vì tôi lớn tuổi nên tôi không sản xuất được nên cho cháu **X** mượn đất canh tác, tôi cho mượn bằng miệng chứ không có viết giấy tờ cho mượn đất.

Kết quả làm việc với tổ chức và cá nhân có liên quan:

- Kết quả làm việc với bà **Trịnh Thị T**:

Tại biên bản làm việc ngày 05/10/2023 với Tổ xác minh của UBND huyện thành lập (sau đây gọi là Tổ xác minh), bà **Trịnh Thị T** công nhận chữ ký của bà

và em trai bà là ông **Trịnh Văn Y** trong biên bản làm việc xác minh hiện trạng, ranh giới và nguồn gốc sử dụng đất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 09/9/2019 tại UBND xã **C**; biên bản họp xét duyệt nguồn gốc đất của 04 hộ thuộc phạm vi thu hồi xây dựng cánh đồng lúa nước điểm TĐC số 1 vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 27/11/2019 tại UBND xã **C** đúng là chữ ký, chữ viết của bà và em trai bà; Bà **T** cung cấp 01 đơn trình bày đề ngày 29/8/2023, không có xác nhận của UBND xã, trình bày có 02 hộ đồng bào dân tộc có đất giáp ranh với thửa đất của hộ gia đình bà bị thu hồi (hộ ông **Y Wấm B1**, hộ bà **H Mrăng B2**). Ngoài ra, bà **T** không cung cấp được bất cứ các loại giấy tờ nào của thửa đất đang khiếu nại theo Điều 100 Luật đất đai 2013 quy định.

- Kết quả làm việc với 02 hộ theo trình bày của bà **Trịnh Thị T**: 02 hộ cho biết: thửa đất của 02 hộ giáp ranh với thửa đất của bà **Trịnh Thị T**. Bà **T** khai hoang khoảng năm 1997, canh tác trồng hoa màu như bắp, cà phê nhưng bị chết không cho thu nhập. Từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất bà **T** không canh tác, sản xuất nữa. 02 hộ cho biết chính gia đình các hộ cũng bỏ hoang không canh tác từ năm 2006 vì đất khô cằn, trồng hoa màu bị chết không có thu nhập và cũng không được đền bù hỗ trợ.

- Kết quả xác minh với các hộ sống lâu năm:

Ngày 24/10/2023 Tổ xác minh với ông **Nguyễn Hồng T3**, người sống lâu năm tại địa phương và biết về nguồn gốc thửa đất của bà **Trịnh Thị T** bị thu hồi. Ông **T3** xác nhận với Tổ xác minh chữ ký và chữ viết của ông trong biên bản làm việc ngày 07/11/2019 với UBND xã **C** để cung cấp thông tin, ranh giới, nguồn gốc đất của bà **Trịnh Thị Thanh Đ** là chữ ký và chữ viết của ông, biên bản làm việc lập xong có đọc lại cho ông nghe, thống nhất nội dung và ký tên vào biên bản làm việc ngày 07/11/2019. Ông trình bày thêm: Đất của gia đình ông khai phá năm 1994 gần khu vực đất của bà **T**. Gia đình tôi tổ chức sản xuất liên tục. Năm 2013, Nhà nước đã thu hồi 3.000m² của gia đình và được bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Vì vậy ông biết rõ đất của bà **Trịnh Thị T** và ông **Trịnh Văn Y** (em trai bà **T**) có khai phá và sử dụng đất đến khoảng năm 2005, 2006 do đất xấu nên 02 hộ này không tổ chức sản xuất từ đó cho đến năm 2015. Đầu năm 2016, tôi có thấy người lạ cày đất, trồng cao su nguyên bầu (không bóc lớp giấy dầu nên cây chết không còn).

- Kết quả làm việc với ông **Vương Khả H3**, nguyên Giám đốc TTPTQĐ huyện nay là Phó Trạm trưởng **Trạm khuyến nông E**: Ngày 26/10/2023, Tổ xác minh làm việc với ông **Vương Khả H3**, ông **H3** trình bày: Năm 2015 căn cứ vào Thông báo số 169/TB-UBND, ngày 14/7/2015 của UBND huyện, Chi nhánh TTPTQĐ thực hiện kiểm đếm thì phát hiện không phải đất của ông **Lê Hùng C1**. Trong quá trình kiểm đếm ông **Trịnh Văn Y** và bà **Trịnh Thị T** ra nhận đất. Ngày 5/9/2017, TTPTQĐ ban hành Công văn số 58/CV-CNTTPTQĐ đề nghị UBND huyện ban hành Thông báo điều chỉnh Thông báo thu hồi đất. Ông **H3** cho biết: sau khi có Thông báo thu hồi đất số 322/TB-UBND, ngày 22/9/2017 của UBND huyện, Chi nhánh TTPTQĐ huyện triển khai công tác kiểm đếm và lập phương án số 43 trình Hội đồng thẩm định tại Tờ trình số, 87/TTr- CNTTPTQĐ ngày 09/11/2017. Ngày 20/11/2017, Hội đồng tổ chức thẩm định, kết quả: Do nhiều ý

kiến về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và các thông tin khác có liên quan của UBND xã chưa chính xác, cần phải xác minh lại. Vì vậy Hội đồng thống nhất tạm thời dừng việc thẩm định phương án theo ý kiến của các cơ quan tham gia thẩm định. Đề nghị UBND xã kiểm tra, xác minh lại thời điểm sử dụng đất của 04 hộ theo ý kiến của các cơ quan tham gia thẩm định, báo cáo kết quả về UBND huyện.

- Kết quả làm việc với ông **Nguyễn Trường S2**, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã (nay là **CT HCCB xã C**), ông **Vũ Văn H4**, công chức địa chính xã: Ông **S2**, ông **H4** trình bày trong 03 bản xác nhận của **UBND xã C** ngày 17/8/2017, ngày 27/11/2019, ngày 14/01/2020 không trùng khớp thời điểm sử dụng đất của bà **Trịnh Thị T**: Lúc trước do ông **H1** là CT UBND và ông **Lê S** nhân viên địa chính thực hiện, chúng tôi chưa tiếp nhận vị trí công tác này. Hiện tại ông **H1** và ông **S** trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vi phạm pháp luật đã bị tuyên án tù, đang chấp hành án tù từ năm 2019 đến nay và cũng không bàn giao hồ sơ nên chúng tôi không được biết lý do “Do ông **Đỗ Văn H5** nguyên Chủ tịch UBND xã thời kỳ 2016 đến tháng 7 năm 2019, ông **Lê S** nhân viên địa chính là người có liên quan việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của hộ bà **Trịnh Thị T** năm 2017, đang chấp hành bản án tù trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vi phạm pháp luật: Tổ xác minh không xác minh làm rõ được lý do: đất không có giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 quy định. UBND xã không tổ chức lấy ý kiến khu dân cư và những người sống lâu năm biết về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà **T** để làm cơ sở xác nhận cho đúng với thực tế sử dụng đất của hộ bà **Trịnh Thị T**.

- Kết quả làm việc với **Công an xã E** về người trồng cao su theo biên bản làm việc với bà **T**: Tổ xác minh đã tiến hành xác minh người trồng cao su trên đất bà **T** năm 2015, nhưng không liên hệ được. Qua làm việc, xác minh với **Công an viên xã E** cho biết: Ông **Nguyễn Văn X** sinh năm 1986 có quan hệ bà con thông gia với bà **Trịnh Thị Thanh T2 12, xã E, huyện E**, ông **X** là người khuyết tật, tay bị khèo, đã bỏ đi khỏi địa phương không báo với chính quyền từ năm 2020 cho đến nay. Thi thoảng mới về lại nên không biết chính xác địa chỉ ở đâu.

- Kết quả kiểm tra biên bản kiểm đếm ngày 18/8/2017 của hộ bà **Trịnh Thị T** do TTPTQĐ lập: Tại biên bản kiểm đếm ngày 18/8/2017 do Chi nhánh TTPTQĐ lập, thể hiện: trên đất không có tài sản chỉ có diện tích đất 11.850,7 m², thửa 22, tờ bản đồ số 13, loại đất cây hàng năm. Biên bản có chữ ký của bà **T** và các thành phần tham gia.

Kết luận nội dung khiếu nại: Việc **UBND xã C** Elang xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất tại bản xác nhận ngày 14/01/2020 đã thực hiện đúng quy định. Về việc giữ nguyên kết quả xác nhận của **UBND xã C** tại **Bản G** xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 14/01/2020, xác nhận diện tích thu hồi đất của hộ bà **Trịnh Thị Thanh T2 12, xã E** là 11.850,7m², thời điểm sử dụng: từ năm 2006 đến nay không có sử dụng, canh tác trên đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Căn cứ điểm h, khoản 1, Điều 64 Luật đất đai 2013 quy định: Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, gồm: . Đất trồng cây lâu năm không

sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục..”; Điều 75 Luật đất đai 2013 điều kiện để được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi; Điểm 2, khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ; Điều 39 Luật Khiếu nại 2011. UBND huyện Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà **Trịnh Thị T**.

Về nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình:

Điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**. Thẩm quyền thu hồi đất: Theo Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện nơi có đất thu hồi do đó UBND huyện E ban hành quyết định thu hồi đất là đúng thẩm quyền. Trình tự thực hiện bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất đã thực hiện đầy đủ theo Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ về việc Ban hành Quy định cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình: Điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư Hồ chứa nước **Krông Pách T4, tỉnh Đắk Lắk** là không có cơ sở.

Về nội dung khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải thực hiện lại các thủ tục thu hồi, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho **H6** bà **Trịnh Thị T** theo quy định:

Căn cứ vào báo cáo và bảng xác nhận của UBND xã C thì hộ gia đình bà **Trịnh Thị T** có nguồn gốc khai phá của Công ty L1, không sử dụng đất liên tục vào mục đích nông nghiệp từ năm 2006 đến nay, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ vì vậy không bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà T, (không có tài sản trên đất).

Tuy nhiên được xem xét hỗ trợ khác theo khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ:

a) Sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT- TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ”

Phương án không hỗ trợ về đất đối với bà **Trịnh Thị T** là đúng theo quy định nêu trên.

Quan điểm của UBND huyện: Việc **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Chủ tịch **UBND huyện E** về việc giải quyết khiếu nại của bà **Trịnh Thị T**; Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình: Điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk** và thực hiện lập, thẩm định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của UBND huyện **Ea K2** là đúng quy định pháp luật, đúng quy trình quy định đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị T**.

* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã **C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** trình bày:

Về quy trình giải quyết khiếu nại (lần đầu):

Ngày 21/6/2023 **UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** có tiếp nhận đơn khiếu nại của bà **Trịnh Thị T**. Đến ngày 21/8/2023 Chủ tịch **UBND xã C** ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà **Trịnh Thị T** (lần đầu). Đối với quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu của bà **Trịnh Thị T** **UBND xã C** đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật. Đối với nội dung yêu cầu hủy quyết định số 76/QĐ ngày 21/8/2023 **UBND xã C** có ý kiến như sau: UBND xã Cư Elang giữ nguyên quan điểm như điều 1 tại quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của **UBND xã C**, giữ nguyên kết quả xác nhận với nội dung “không sử dụng liên tục từ năm 2006 đến nay” tại bản xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, sự phù hợp quy hoạch, ranh giới thửa đất, tình trạng tranh chấp đất của hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi phục vụ xây dựng công trình: điểm tái định canh thuộc hợp phần bồi thường, GPMB di dân và tái định cư dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**, thửa đất số 22 tờ bản đồ số 13 do UBND xã xác nhận ngày 14/01/2014.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 178/2024/HC-ST ngày 17/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ các Điều 17, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39 40 Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ vào các Điều 64, 66, 69, 75 và 82 Luật Đất đai 2013. Căn cứ điểm đ khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ** về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 15 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà **Trịnh Thị T**, như sau:

[1.1] Bác yêu cầu hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị T;

[1.2] Bác yêu cầu hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị T;

[1.3] Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải thực hiện lại các thủ tục thu hồi, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho H6 bà Trịnh Thị T theo quy định.

[1.4] Đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình: Điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư Hồ chứa nước K, tỉnh Đắk Lắk;

[2] Về án phí: bà Trịnh Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 9519 ngày 19/3/2024 (Phạm Công H nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 26/9/2024, bà Trịnh Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- bà Trịnh Thị Thanh G nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T đối với các yêu cầu {bác yêu cầu hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của bà T; bác yêu cầu hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà Trịnh Thị T; bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải thực hiện lại các thủ tục thu hồi, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho hộ bà Trịnh Thị T theo quy định} là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của bà T để thực hiện xây dựng công trình điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ngày 11/3/2024 bà T mới nộp đơn khởi kiện nên đã hết thời hiệu khởi kiện đối với quyết định số 130, nhưng vì Quyết định số 130 là quyết định hành chính có liên quan nên vẫn xem xét nhận định “không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Trịnh Thị T” từ đó đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là thiếu sót vì nhận định mâu thuẫn và bản chất yêu cầu khởi kiện của bà T là yêu cầu hủy Quyết định 130 vì thu hồi đất của bà T mà không ban hành Quyết định bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho bà T; do đó, đề nghị cấp phúc thẩm nhận định rõ sai sót này để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và tuyên sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10/7/2020 UBND huyện E ban hành Quyết định số 130/QĐ-UBND thu hồi 11.850,7m² đất đối với hộ bà **Trịnh Thị T** để thực hiện xây dựng công trình điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk** mà không ban hành Quyết định về bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho bà **T**. Bà **T** cho rằng diện tích đất trên bà **T** khai phá sử dụng từ năm 1996, sử dụng liên tục đến khi bị thu hồi nên khiếu nại việc UBND xã C lập Bảng xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/01/2020 (xác nhận bà **T** khai phá đất năm 1996 đến năm 2006 thì không sử dụng cho đến khi đất bị thu hồi) là không đúng nên bà **T** không được UBND huyện E bồi thường khi thu hồi đất. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 Chủ tịch UBND xã C không chấp nhận khiếu nại của bà **T**, bà **T** tiếp tục khiếu nại thì ngày 16/11/2023 Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 662/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà **T**. Ngày 11/3/2024 bà **T** khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 76, số 662 và số 130 nêu trên và yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải thực hiện lại các thủ tục thu hồi, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho hộ bà **T** theo quy định.

[2] Bà **T** và UBND huyện E đều thống nhất xác định diện tích đất bà **T** bị thu hồi do bà **T** khai phá năm 1996; tuy nhiên, UBND huyện E căn cứ Bảng xác nhận nguồn gốc đất do UBND xã C lập ngày 14/01/2020 (nội dung xác định việc sử dụng đất của bà **T** là từ khi khai phá năm 1996 đến năm 2006 thì không sử dụng cho đến khi thửa đất bị thu hồi), còn bà **T** cho rằng bà **T** vẫn sử dụng canh tác liên tục đến thời điểm thu hồi đất.

[3] Xét, ngày 09/11/2017 trên cơ sở Bảng xác nhận nguồn gốc đất do UBND xã C lập ngày 14/01/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất số 43 kèm theo Tờ trình số 87/TTr-CNTTPTQĐ ngày 09/11/2017, theo đó hộ bà **T** được hỗ trợ 670.809.060 đồng để trình Hội đồng thẩm định phê duyệt. Ngày 20/11/2017, Hội đồng thẩm định ban hành Biên bản về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 4) nêu: “Tại thời điểm thống kê kiểm đếm không có cây trồng, vậy đề nghị UBND xã C kiểm tra, xác minh về thời gian canh tác đối với 04 hộ và tại phần III Kết luận: Tạm dừng việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ phương án số 43, đề nghị UBND xã kiểm tra, xác minh lại việc xác nhận thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình ông **Trịnh Văn Y**, bà **Trịnh Thị T**, ông **Lý Văn S1** và ông **Phạm Văn H2**, lý do có đơn phản ánh của 11 hộ dân có đất liền kề cho rằng các hộ này không trực tiếp sản xuất nông nghiệp”. Do đó, UBND xã C sau khi tiến hành làm việc với bà **Trịnh Thị T** và xác minh những hộ dân có đất gần thửa đất hộ bà **T** canh tác (như ông **Nguyễn Hồng T3**) và Ban tự quản thôn E thì ngày 27/11/2019 UBND xã C đã có Báo cáo số 65/BC-UBND nội dung “nguồn gốc đất bà **T** khai phá năm

1996 (thuộc phạm vi đất UBND tỉnh Đ giao cho Lâm trường Ea Kar nay là Công ty TNHH MTV L1 quản lý, hộ bà T đã không sử dụng đất liên tục từ năm 2006 đến năm 2015 (bỏ hoang) tháng 7 năm 2015 UBND huyện đã thông báo thu hồi đất”.

[4] Quá trình giải quyết khiếu nại lần thứ hai, UBND huyện E đã thành lập các Tổ xác minh để làm rõ về nguồn gốc đất của bà T, Tổ xác minh đã làm việc với hộ ông Y Warm B3, hộ bà H Măng Byă người mà bà T cho rằng biết về quá trình sử dụng đất của bà T và cũng canh tác ở sát thửa đất bà T thì các hộ dân lân cận sống lâu năm gần sát đất bà T đều xác nhận bà T có sử dụng đất từ khi khai hoang năm 1996 đến năm 2006 thì không sử dụng nữa. Bà T cho rằng bà sử dụng đất liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không được chính quyền địa phương xác nhận, bản thân bà T sử dụng đất nhưng không cung cấp các tài liệu như đã đóng thuế hay nghĩa vụ sử dụng đất cho Nhà nước, chưa lần nào tiến hành các thủ tục kê khai để xin Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến thời điểm thu hồi đất. Tại thời điểm kiểm đếm thu hồi đất thì không có bất kỳ cây trồng, tài sản, công trình kiến trúc trên đất.

[5] Từ những mục trên, đủ cơ sở xác định Bảng xác nhận ngày 14/01/2020 của UBND xã C (xác nhận nguồn gốc đất bà T khai phá năm 1997, đất thuộc phạm vi Nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar, nay là Công ty TNHH MTV L1 quản lý và sử dụng vào mục đích nông nghiệp, bà T sử dụng đến năm 2006 thì không sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến thời điểm bị thu hồi đất) là có căn cứ nên Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND xã C và Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai số 662/QĐ-UBND 16/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện E không chấp nhận khiếu nại của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, UBND huyện E căn cứ điểm h, khoản 1, Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 (Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai gồm: “ Đất trồng cây lâu năm không sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục...) Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 điều kiện để bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi; Điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung, một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Điều 39 Luật khiếu nại năm 2011 không bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà T khi thu hồi đất là đúng pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy Quyết định 76/QĐ-UBND và hủy Quyết định 662/QĐ-UBND là đúng.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện E phải ban hành lại Quyết định thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho hộ bà T, thấy rằng Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này; 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý; 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1

Điều 65 của Luật này; 4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này”. Nguồn gốc đất của bà T sử dụng thuộc trường hợp khi thu hồi đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi đất nên UBND huyện E không bồi thường về đất cho bà T là đúng pháp luật. Quá trình thực hiện thu hồi đất, UBND huyện E cũng đã tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục thu hồi đất theo Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện E phải ban hành lại Quyết định thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho hộ bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của bà T để thực hiện xây dựng công trình diêm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 11/3/2024 bà T khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện từ đó đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là thiếu sót vì bản chất yêu cầu khởi kiện của bà T là yêu cầu hủy Quyết định 130 vì thu hồi đất của bà T mà không ban hành Quyết định bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho bà T nên Quyết định số 130 là quyết định hành chính có liên quan, phải được xem xét giải quyết trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết, nhưng lại nhận định “không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Trịnh Thị T” là mâu thuẫn nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa chỉnh sửa lại cách tuyên bản án cho đúng quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích và nhận định tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà T, bà T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của bà Trịnh Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 178/2024/HC-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (có chỉnh sửa lại cách tuyên bản án) như sau:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ các Điều 17, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39 40 Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ vào các Điều 64,

66, 69, 75 và 82 Luật Đất đai 2013. Căn cứ điểm đ khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị T** gồm:
 - Yêu cầu hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của bà **Trịnh Thị T**;
 - Yêu cầu hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà **Trịnh Thị T**;
 - Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải thực hiện lại các thủ tục thu hồi, bồi thường và hỗ trợ về quyền sử dụng đất cho H6 bà **Trịnh Thị T** theo quy định;
 - Yêu cầu hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình: Điểm tái định canh (Cánh đồng lúa nước) thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư Hồ chứa nước K, tỉnh Đắk Lắk;

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm bà **Trịnh Thị T** phải chịu 300.000 đồng, trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 9519 ngày 19/3/2024 (do ông **Phạm Công H** nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm bà **Trịnh Thị T** phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng bà **T** đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0014067 ngày 02/10/2024 (do ông **Phạm Công H** nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Kim Nhân

